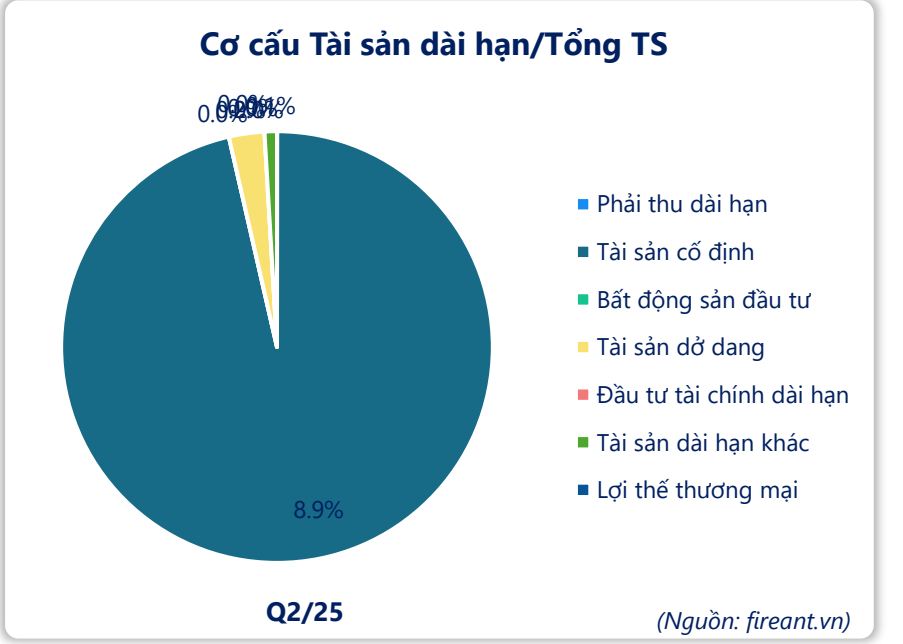
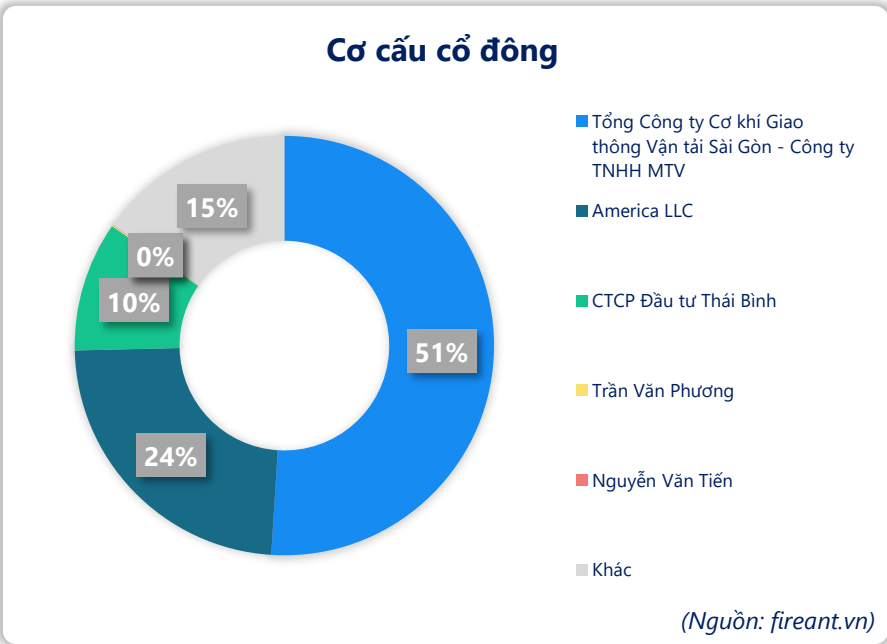
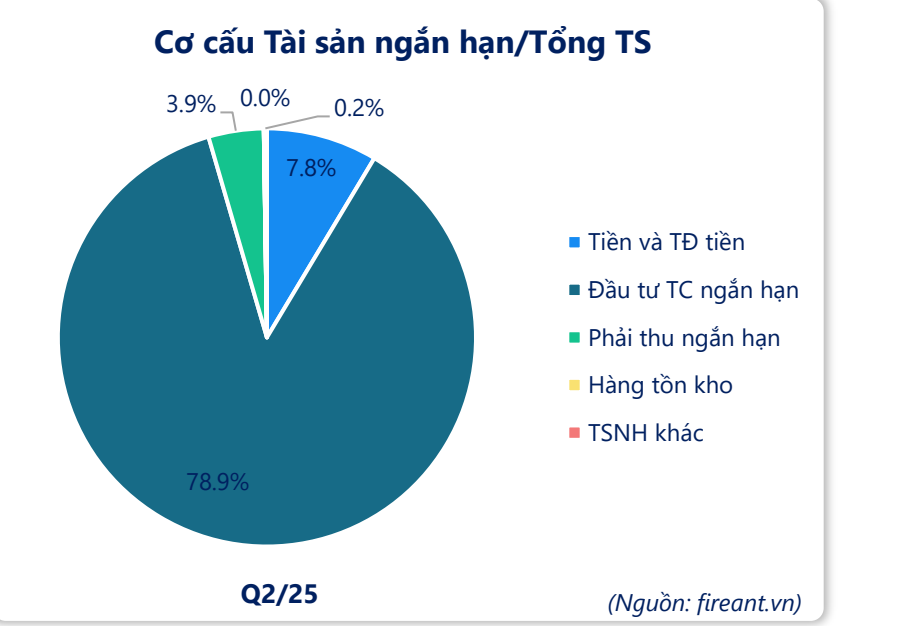
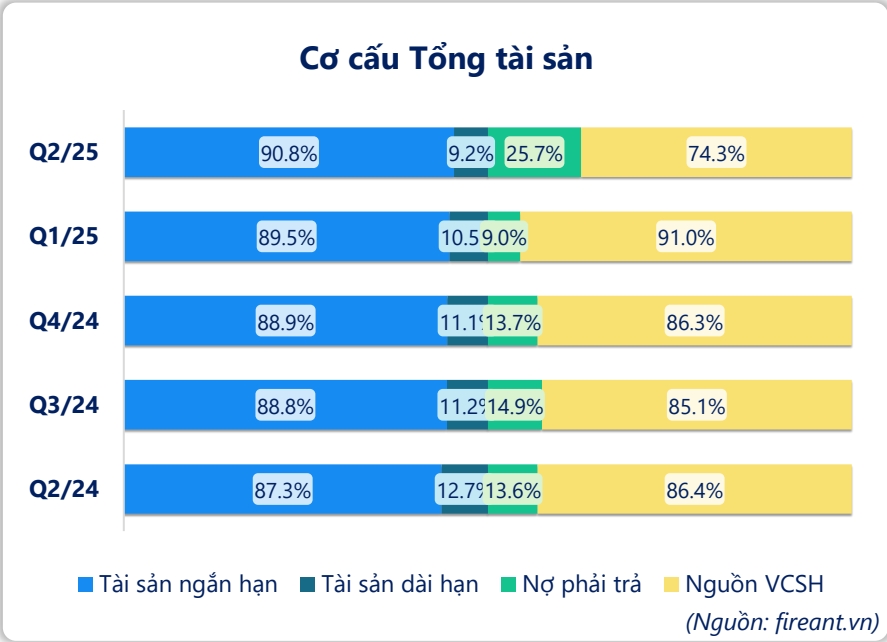
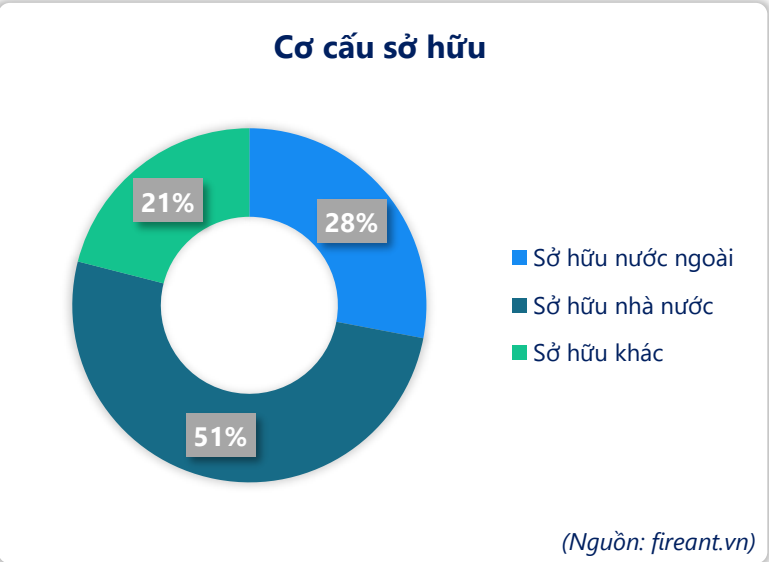
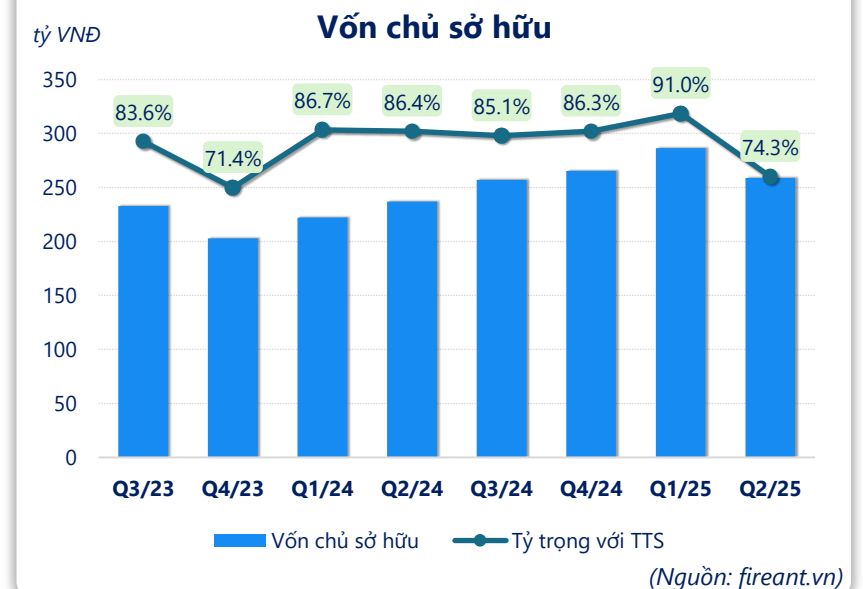
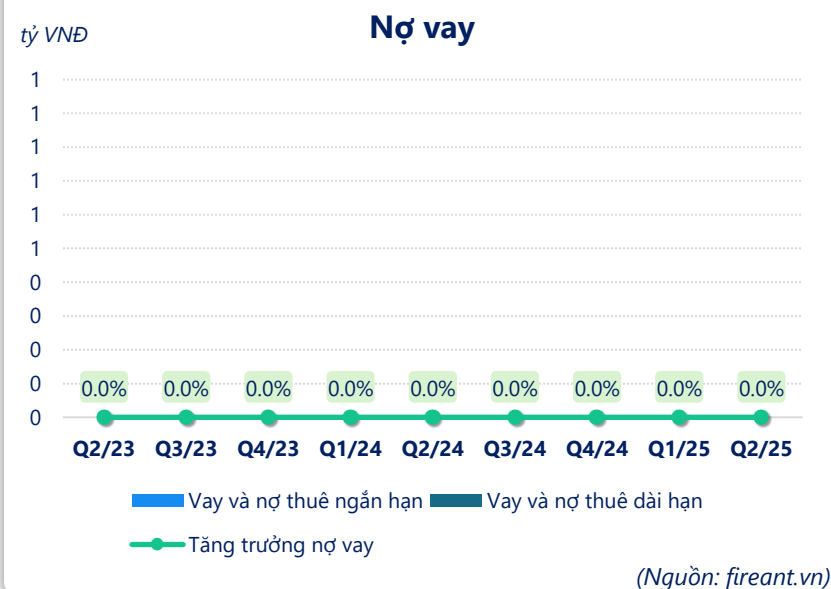
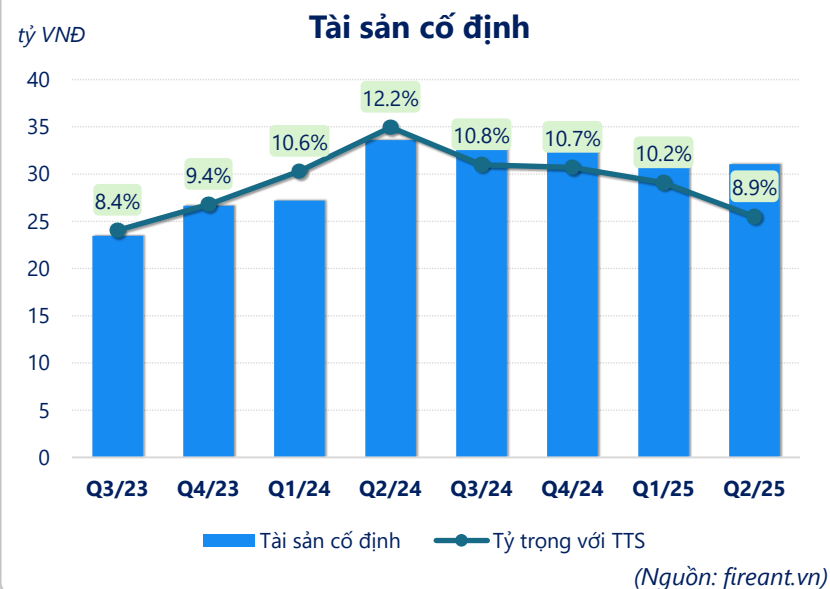
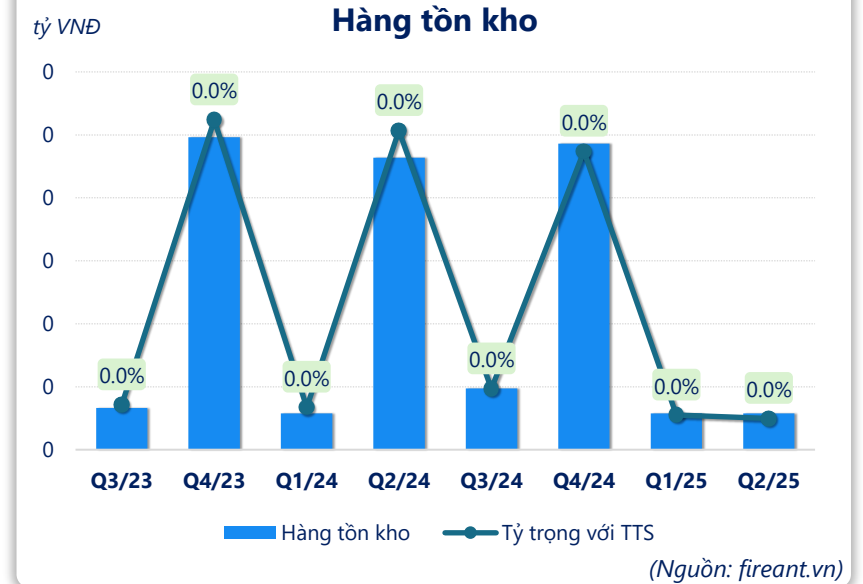
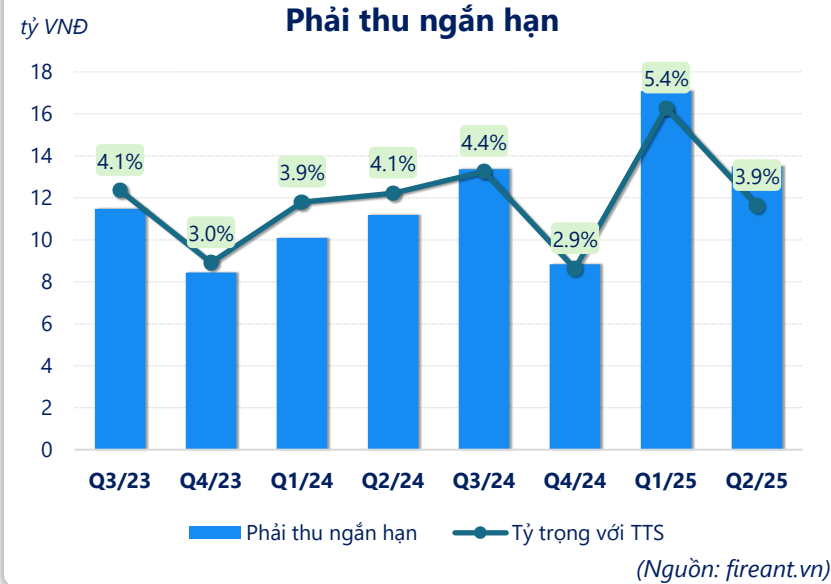
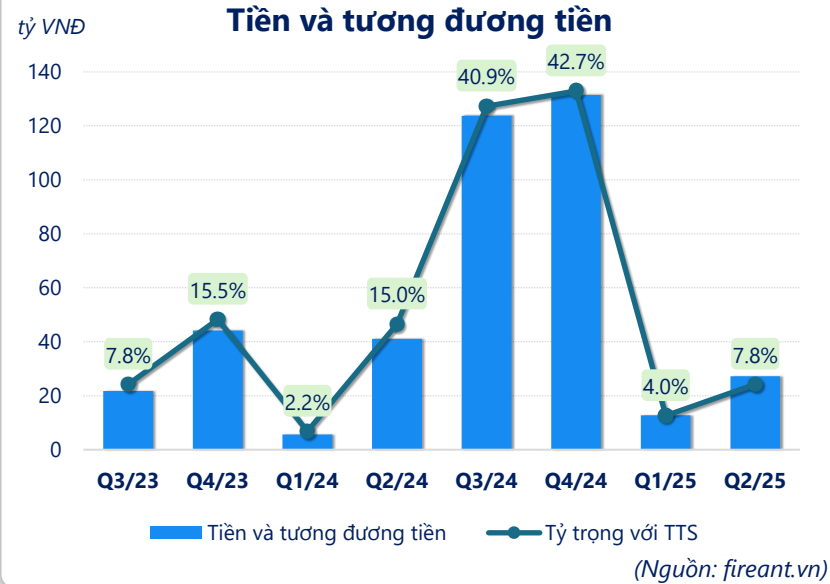
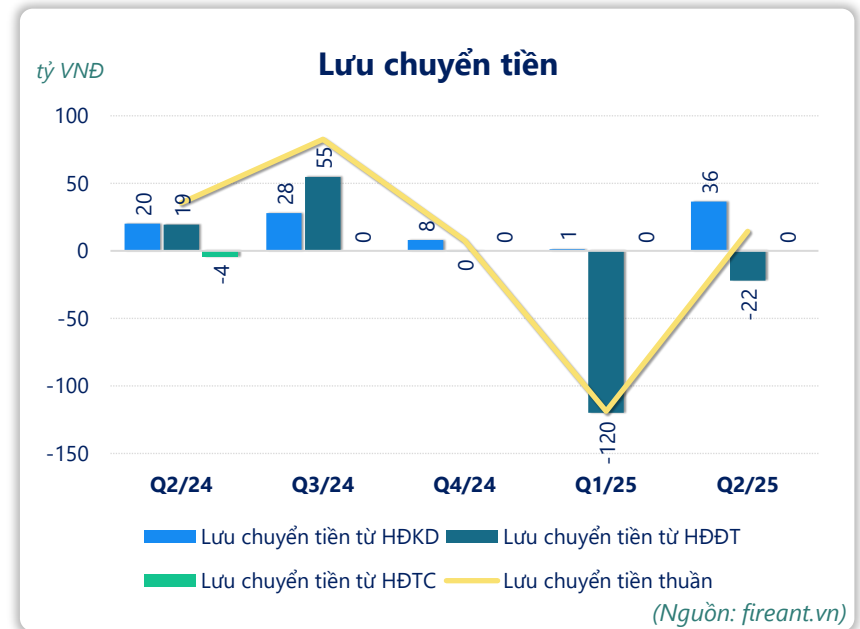
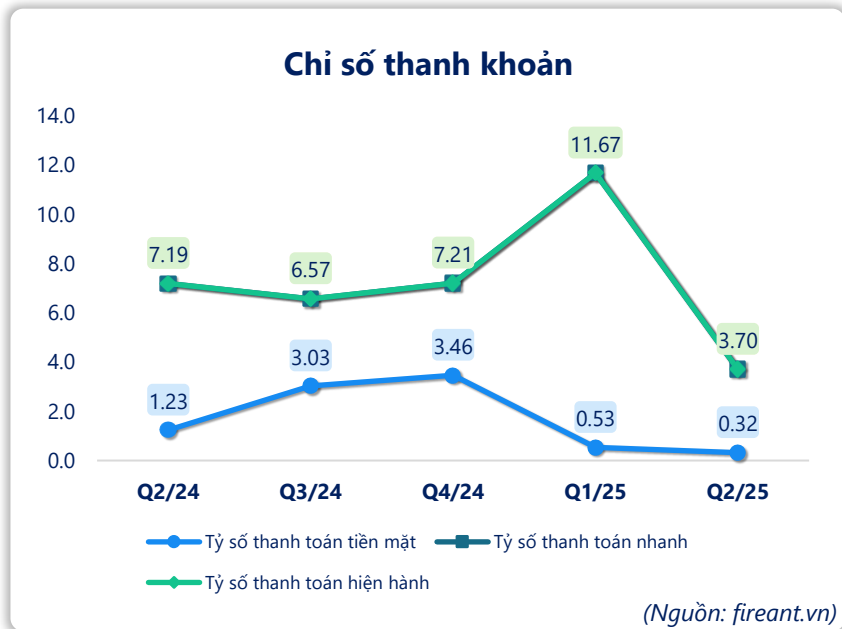
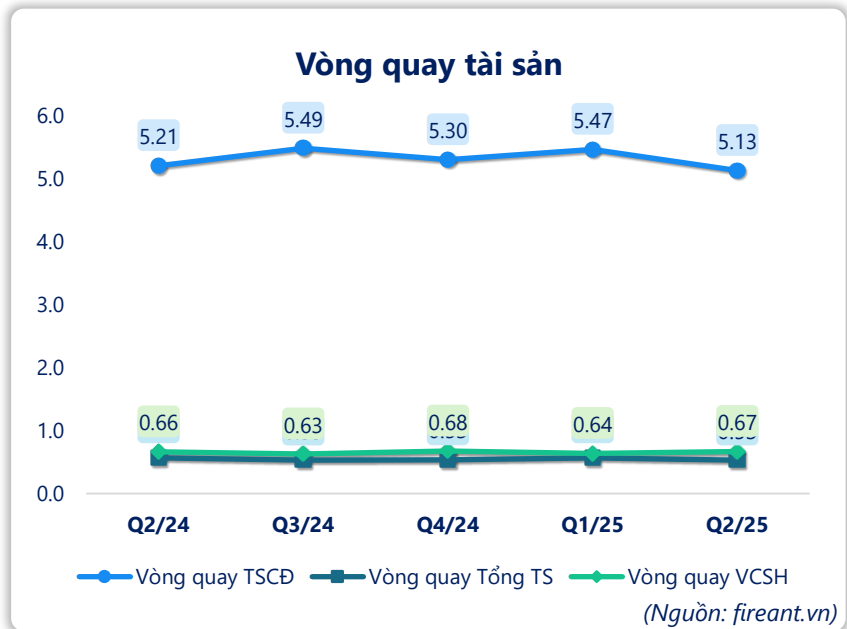
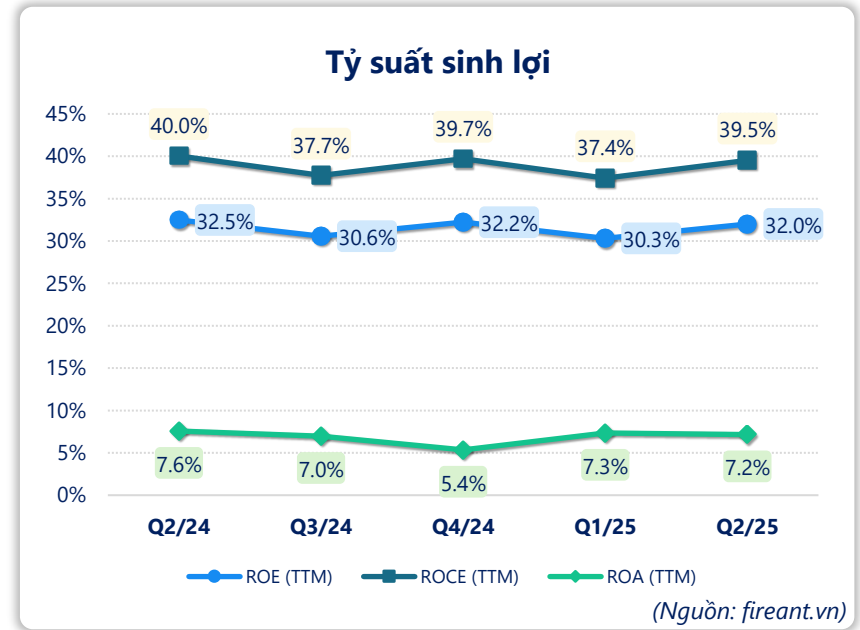
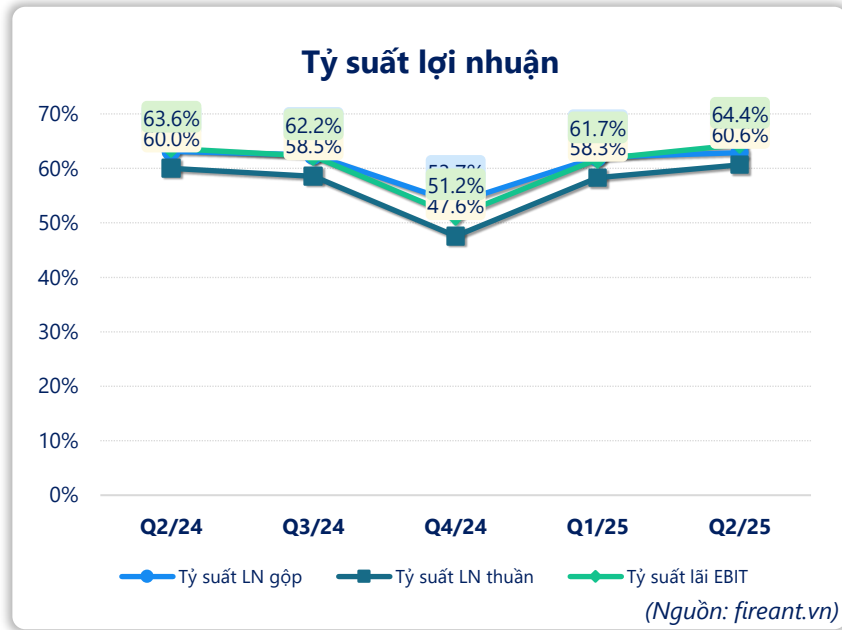
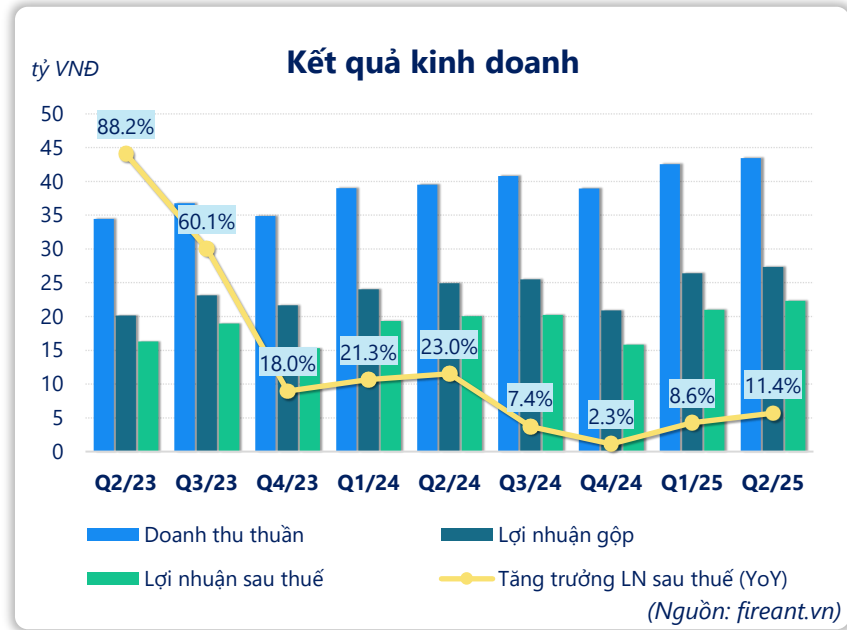


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		369,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		366,702
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		171,266
SL cổ phiếu LH		2,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		290
% sở hữu nước ngoài		28.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		925
P/E		11.7
EPS		31,747

	YTD	1T	3T	6T
WCS	55.7%	23.6%	26.8%	66.2%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	348	308	13.2%
Tài sản ngắn hạn	316	274	15.5%
Tiền và tương đương tiền	27.2	131	-79.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	275	131	110%
Phải thu ngắn hạn	13.5	8.84	52.7%
Hàng tồn kho	0.01	0.10	-88.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.75	2.57	-70.9%
Tài sản dài hạn	32.2	34.1	-5.5%
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản cố định	31.1	33.1	-6.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.86	0.59	45.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.30	0.41	-28.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	89.4	42.0	113%
Nợ ngắn hạn	85.3	38.0	125%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.28	0.19	48.6%
Nợ dài hạn	4.05	4.07	-0.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	259	266	-2.5%
Vốn chủ sở hữu	259	266	-2.5%
Vốn điều lệ	25.0	25.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	39.5	40.8	39.0	42.5	43.5
Giá vốn hàng bán	14.6	15.3	18.0	16.1	16.1
Lợi nhuận gộp	24.9	25.5	20.9	26.4	27.3
Doanh thu HĐTC	2.68	2.42	2.61	2.70	3.19
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	3.91	4.03	4.99	4.32	4.17
LN thuần từ HĐKD	23.7	23.9	18.5	24.8	26.4
Lợi nhuận khác	1.44	1.51	1.43	1.44	1.61
LN trước thuế	25.1	25.4	20.0	26.2	28.0
Lợi nhuận sau thuế	20.1	20.2	15.8	21.0	22.3
LNST của CĐ cty mẹ	20.1	20.2	15.8	21.0	22.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	20.1	27.9	8.01	1.28	36.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	19.4	54.7	-0.26	-120	-22.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.00	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	5.64	41.1	124	131	12.7
Lưu chuyển tiền thuần	35.5	82.6	7.75	-119	14.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	41.1	124	131	12.7	27.2

(Nguồn: fireant.vn)